

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 8 - 2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lưu Văn Có

2. Bà Nguyễn Thị Lý

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Hồng Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 87/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐ-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Đặng Kim B

Địa chỉ cư trú: Thôn Trung 3, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Bà Mai Thị T

Địa chỉ cư trú: Đường P, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Đặng Kim B trình bày:*

Ông và bà Mai Thị T kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Trong quá trình chung sống,

giữa ông và bà T cũng có phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống và đã sống ly thân từ năm 2014. Nay nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn và để ổn định cuộc sống, ông yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà Mai Thị T.

Về con chung: Ông và bà T có hai con chung là Đặng Kim H, sinh năm 2002 và Đặng Mai H1, sinh năm 2009. Hiện nay, cháu Đặng Kim H đang sống cùng ông B nên sau khi ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Đặng Mai H1 đang sống cùng bà T nên ông B đồng ý để bà T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu H1.

Về tài sản chung: Ông Đặng Kim B không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

*Bị đơn bà Mai Thị T vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án.*

Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đúng sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng có mặt đã hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, nên việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Ông Đặng Kim B khởi kiện bà Mai Thị T về việc “Ly hôn” là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

- Bị đơn bà Mai Thị T được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Tại phiên tòa ngày 12/8/2019 bà T tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Đặng Kim B và bà Mai Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa cấp

Giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống, giữa ông B và bà T cũng có phát sinh nhiều mâu thuẫn do không cùng quan điểm, lối sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án về việc giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của ông B cho bà T. Tuy nhiên, bà Mai Thị T đã không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Như vậy, có thể nhận thấy bà T cũng không tha thiết muốn níu kéo mối quan hệ hôn nhân với ông B. Đời sống chung là trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng giữa ông B và bà T không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, để các bên ổn định cuộc sống, cũng như việc chăm sóc và nuôi dưỡng các con được đảm bảo, Hội đồng xét xử nhận thấy các yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông B là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông B và bà T có hai con chung là Đặng Kim H, sinh 2002 và Đặng Mai H1, sinh 2009. Về nguyện vọng được nuôi con của ông B, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Đặng Kim H hiện tại đang sống ổn định cùng ông Đặng Kim B và cháu H cũng có nguyện vọng được sống với ông B nên cần giao cháu Đặng Kim H cho ông B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập để lấy lời khai của cháu Đặng Mai H1 nhưng không gặp được cháu H1. Tuy nhiên, cháu H hiện đang sống ổn định cùng bà Mai Thị T. Do vậy, cần giao cháu Đặng Mai H1 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Đặng Kim B không yêu cầu bà Mai Thị T cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xét. Bà Mai Thị T vắng mặt nên tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác, nếu sau này bà T có yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Ông Đặng Kim B không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Bà Mai Thị T vắng mặt nên tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác, nếu sau này bà T có yêu cầu.

[5] Về án phí: Ông Đặng Kim B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Kim B.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Kim B được ly hôn bà Mai Thị T.

1.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đặng Kim H, sinh năm 2002 cho ông Đặng Kim B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Đặng Mai H1, sinh năm 2009 cho bà Mai Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung: Ông Đặng Kim B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét. Bà Mai Thị T vắng mặt nên tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác, nếu sau này bà T có yêu cầu.

2. Về án phí: Ông Đặng Kim B phải nộp 300.000 đồng, án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0010767 ngày 27/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Ông B đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.Nha Trang;
- Chi cục THA dân sự TP.Nha Trang;
- UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phan Thanh Tùng**